

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1523/2026/DS-ST

Ngày: 03-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Sơn

2. Ông Nguyễn Trung Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Chi, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1305/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 610/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng S; Địa chỉ: 266-268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K - sinh năm 1987 - là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1938/2025/UQ-TGD ngày 02/4/2025).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: số 3 đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Ngày 27/11/2018, bà Nguyễn Thị Thanh T có ký với Ngân hàng S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, nội dung cấp tín dụng cho bà T với hạn mức 30.000.000 đồng, loại thẻ visa, lãi suất thay đổi theo từng thời kì, lãi suất trong hạn 2.77%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 181.099.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng

thể tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là 32.389.936 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 4.155%/tháng (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại 2.77%/tháng). Sau đó, bà T có thanh toán thêm 8.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tổng cộng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 189.427.325 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 05/3/2025 là 58.864.909 đồng (trong đó bao gồm dư nợ quá hạn 24.389.936 đồng, lãi quá hạn 29.474.973 đồng) và trả lãi phát sinh từ ngày 06/3/2025 cho đến khi trả xong khoản vay nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Nhật Kinh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 03/7/2026 là 70.224.444 đồng, trong đó: nợ gốc: 24.389.936 đồng; lãi quá hạn: 45.834.508 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự. Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì Ngân hàng S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Thanh T tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn do ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đến trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 27/11/2018 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh T (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ bảng sao kê tài khoản thẻ chi tiết gốc, lãi do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 03/7/2026 là 70.224.444 đồng, trong đó: nợ gốc: 24.389.936 đồng; lãi quá hạn: 45.834.508 đồng (theo mức lãi suất quá hạn 4.155%/tháng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 70.224.444 đồng. Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 70.224.444. Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 27/11/2018 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh T (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 70.224.444 (Bảy mươi triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 24.389.936 đồng; nợ lãi quá hạn: 45.834.508 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 27/11/2018 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh T (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 04/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 27/11/2018 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh T (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.511.222 (Ba triệu, năm trăm mười một ngàn, hai trăm hai mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 1.346.622 (Một triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039158 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND KV4-TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Phòng THADS KV4-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai Phương